

## **CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ**

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán  
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

---

## MỤC LỤC

	Trang
<b>BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC</b>	1 – 3
<b>BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP</b>	4
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH</b>	
Bảng cân đối kế toán	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh báo cáo tài chính	9 – 51

03640  
CÔNG  
CỔ PHẦN  
NHỰA  
TÂN PHÚ  
TÂN PHÚ - T. P.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ**

Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

**1. Thông tin chung**

Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước – Nhà máy Nhựa Tân Phú thuộc Công ty Nhựa Việt Nam theo quyết định số 100/2004/QĐ-BCN ngày 24 tháng 9 năm 2004.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần - số 4103003066 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 24 tháng 01 năm 2005, đã đăng ký thay đổi lần thứ 18 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0303640880 ngày 12 tháng 11 năm 2018.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: Tan Phu Plastic Joint Stock Company.

Tên Công ty viết tắt là : TAPLAST.

Trụ sở chính: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty là: 142.378.890.000 đồng (Một trăm bốn mươi hai tỷ, ba trăm bảy mươi tám triệu, tám trăm chín mươi nghìn đồng.)

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0303640880 được sửa đổi lần thứ 18 ngày 12 tháng 11 năm 2018, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty gồm:

- Sản xuất các sản phẩm, bao bì, phụ tùng, linh kiện nhựa phục vụ cho các ngành công – nông – ngư nghiệp – giao thông – vận tải – xây dựng – bưu chính viễn thông và dân dụng;
- Chế tạo khuôn mẫu, phụ tùng ngành nhựa;
- Mua bán nguyên liệu, vật tư sản xuất ngành nhựa;
- Chế tạo thiết bị máy móc ngành nhựa (không tái chế phế thải, rèn, đúc, cán kéo kim loại, dập cắt, gò, hàn, sơn và xi mạ điện tại trụ sở);
- Mua bán nguyên vật liệu, vật tư, sản phẩm máy móc thiết bị ngành công – nông nghiệp, ngành xây dựng (trừ thuốc bảo vệ thực vật), hàng gia dụng;
- In bao bì (không hoạt động tại trụ sở); đại lý ký gửi; mua bán hàng hóa;
- Xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông; kinh doanh nhà ở; cho thuê văn phòng, nhà xưởng, kho bãi;
- Sản xuất và mua bán nước tinh khiết đóng chai.

**2. Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý**

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm tài chính và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

**Hội đồng quản trị**

Ông Vũ Đình Độ	Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 12/06/2018
Ông Ngô Đức Trung	Phó chủ tịch HĐQT	
Ông Ngô Đức Vũ	Thành viên HĐQT	Miễn nhiệm chức danh Chủ tịch HĐQT ngày 12/06/2018
Ông Nguyễn Văn Hiếu	Thành viên HĐQT	
Ông Lê Viết Hùng	Thành viên HĐQT	

**Ban kiểm soát**

Bà Trần Minh Trang	Trưởng ban
Bà Lương Thị Hương	Thành viên
Bà Trần Thị Bích Hà	Thành viên

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Lê Viết Hùng	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 11/06/2018
Ông Ngô Đức Vũ	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 12/06/2018
Ông Nguyễn Hồng Chương	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 29/01/2018
Ông Ngô Đức Trung	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Hoàng Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 24/10/2018

### **Đại diện pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm tài chính và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Ông Ngô Đức Vũ                      Tổng Giám đốc

### **3. Đánh giá tình hình kinh doanh**

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

### **4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

### **5. Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty.

### **6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính**

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

---

### **7. Phê duyệt các báo cáo tài chính**

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



---

**Hoàng Anh Tuấn**  
**Phó Tổng Giám đốc**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 02 năm 2019



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

TÀI SẢN	Mã số	TM	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
<b>A/ TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>415.870.147.321</b>	<b>223.548.808.868</b>
<b>I/ Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>99.364.256.505</b>	<b>11.266.392.534</b>
1. Tiền	111		89.364.256.505	11.266.392.534
2. Các khoản tương đương tiền	112		10.000.000.000	-
<b>II/ Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>III/ Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>153.621.532.607</b>	<b>75.793.374.747</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	122.015.539.853	67.924.354.003
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	21.607.505.739	9.405.307.913
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	610.000.000	610.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6	15.136.631.084	3.601.856.900
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.7	(5.748.144.069)	(5.748.144.069)
<b>IV/ Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.8</b>	<b>140.637.938.409</b>	<b>109.519.203.573</b>
1. Hàng tồn kho	141		140.714.676.734	109.625.390.025
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(76.738.325)	(106.186.452)
<b>V/ Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>22.246.419.800</b>	<b>26.969.838.014</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.13	5.844.959.383	3.928.006.138
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		16.349.881.763	22.396.107.985
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.15	51.578.654	645.723.891
<b>B/ TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>321.672.166.758</b>	<b>301.506.213.313</b>
<b>I/ Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>9.568.973.474</b>	<b>11.092.091.610</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.5	9.568.973.474	11.092.091.610
<b>II/ Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>274.100.457.602</b>	<b>244.352.266.180</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	96.372.291.005	71.141.047.453
- Nguyên giá	222		243.450.171.689	211.976.695.199
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(147.077.880.684)	(140.835.647.746)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	5.10	172.031.096.026	167.581.833.461
- Nguyên giá	225		230.973.490.881	215.173.274.987
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(58.942.394.855)	(47.591.441.526)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.11	5.697.070.571	5.629.385.266
- Nguyên giá	228		7.531.375.218	7.290.345.218
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.834.304.647)	(1.660.959.952)
<b>III/ Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV/ Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>20.740.008.442</b>	<b>32.819.839.016</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.12	20.740.008.442	32.819.839.016
<b>V/ Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5.2</b>	<b>-</b>	<b>500.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		6.200.072.890	6.200.072.890
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	500.000.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(6.200.072.890)	(6.200.072.890)
<b>VI/ Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>17.262.727.240</b>	<b>12.742.016.507</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.13	17.262.727.240	12.742.016.507
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>737.542.314.079</b>	<b>525.055.022.181</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	31/12/2018	01/01/2018
			VND	VND
<b>C/ NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>585.374.902.917</b>	<b>419.030.008.790</b>
<b>I/ Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>411.754.962.705</b>	<b>299.183.529.910</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.14	34.446.562.231	21.958.218.139
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.347.221.659	876.615.626
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.15	397.215.710	1.181.342.295
4. Phải trả người lao động	314		7.367.140.080	5.327.098.676
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.16	2.875.532.454	2.246.129.219
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.17	1.603.559.240	1.712.338.902
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.18	363.717.731.331	265.881.787.053
<b>III/ Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>173.619.940.212</b>	<b>119.846.478.880</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	5.17	11.525.309.025	1.728.729.025
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.18	162.094.631.187	118.117.749.855
<b>D/ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>152.167.411.162</b>	<b>106.025.013.391</b>
<b>I/ Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.19</b>	<b>152.167.411.162</b>	<b>106.025.013.391</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		142.378.890.000	99.978.890.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		142.378.890.000	99.978.890.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(40.000.000)	-
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		9.828.521.162	6.046.123.391
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		6.046.123.391	3.382.576.090
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		3.782.397.771	2.663.547.301
<b>III/ Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>737.542.314.079</b>	<b>525.055.022.181</b>



Hoàng Anh Tuấn  
 Phó Tổng Giám đốc  
 Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 02 năm 2019

Nguyễn Thị Thoại  
 Kế toán trưởng

Trịnh Thị Bình  
 Người lập biểu

408  
 GT  
 PHẢ  
 HỮA  
 VPI  
 PT

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	782.491.608.542	549.689.705.381
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	2.142.707.113	1.195.749.373
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		780.348.901.429	548.493.956.008
4. Giá vốn hàng bán	11	6.3	695.686.298.401	467.273.481.313
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		84.662.603.028	81.220.474.695
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	864.823.084	392.173.529
7. Chi phí tài chính	22	6.5	32.538.576.156	23.579.691.225
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		32.036.030.692	23.258.879.394
8. Chi phí bán hàng	25	6.6	30.657.329.785	22.165.064.885
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.7	32.689.618.673	34.652.697.734
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(10.358.098.502)	1.215.194.380
11. Thu nhập khác	31	6.8	15.305.403.194	3.193.988.599
12. Chi phí khác	32	6.9	177.349.539	831.416.970
13. Lợi nhuận khác	40		15.128.053.655	2.362.571.629
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4.769.955.153	3.577.766.009
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.10	987.557.382	914.218.708
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3.782.397.771	2.663.547.301
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.11	331	266
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	6.12	331	266



Hoàng Anh Tuấn  
Phó Tổng Giám đốc  
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 02 năm 2019

Nguyễn Thị Thoại  
Kế toán trưởng

Trịnh Thị Bình  
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	4.769.955.153	3.577.766.009
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	45.446.001.417	44.680.415.244
- Các khoản dự phòng	03	(29.448.127)	(119.004.220)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(60.320.286)	3.105.477
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(15.077.451.240)	(1.659.626.038)
- Chi phí lãi vay	06	32.036.030.692	23.258.879.394
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	67.084.767.609	69.741.535.866
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(61.059.716.068)	1.889.396.039
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(31.089.286.709)	(33.074.062.947)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	29.971.043.756	(2.798.510.298)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(6.437.663.978)	(13.641.325.637)
- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	399.000.000
- Tiền lãi vay đã trả	14	(31.765.084.488)	(22.886.138.102)
- Thuế TNDN đã nộp	15	(254.005.707)	(481.647.681)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	(17.950.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(33.549.945.585)	(869.702.760)
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(33.653.310.552)	(63.116.112.002)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	26.451.505.399	5.590.366.558
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(40.000.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	40.000.000.000	8.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(500.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	500.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	81.543.967	596.590.092
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(6.620.261.186)	(49.429.155.352)
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	42.360.000.000	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	935.743.296.227	524.891.117.078
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(774.650.477.955)	(430.326.459.446)
4. Tiền trả nợ thuê tài chính	35	(75.209.171.983)	(45.929.295.889)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(252.724.600)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	128.243.646.289	48.382.637.143
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	88.073.439.518	(1.916.220.969)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	11.266.392.534	13.174.128.340
Ả/h thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	24.424.453	8.485.163
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	99.364.256.505	11.266.392.534

Hoàng Anh Tuấn  
Phó Tổng Giám đốc  
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 02 năm 2019

Nguyễn Thị Thoại  
Kế toán trưởng

Trịnh Thị Bình  
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

### **1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**

#### **1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước – Nhà máy Nhựa Tân Phú thuộc Công ty Nhựa Việt Nam theo quyết định số 100/2004/QĐ-BCN ngày 24 tháng 9 năm 2004.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần - số 4103003066 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 24 tháng 01 năm 2005, đã đăng ký thay đổi lần thứ 18 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0303640880 ngày 12 tháng 11 năm 2018.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: Tan Phu Plastic Joint Stock Company.  
Tên Công ty viết tắt là : TAPLAST.

Trụ sở chính: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty là: 142.378.890.000 đồng (Một trăm bốn mươi hai tỷ, ba trăm bảy mươi tám triệu, tám trăm chín mươi nghìn đồng.)

#### **1.2 Lĩnh vực kinh doanh**

Công ty sản xuất và kinh doanh các sản phẩm, bao bì, phụ tùng, linh kiện nhựa các loại.

#### **1.3 Ngành nghề kinh doanh**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0303640880 được sửa đổi lần thứ 18 ngày 12 tháng 11 năm 2018, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty gồm:

- Sản xuất các sản phẩm, bao bì, phụ tùng, linh kiện nhựa phục vụ cho các ngành công – nông – ngư nghiệp – giao thông – vận tải – xây dựng – bưu chính viễn thông và dân dụng;
- Chế tạo khuôn mẫu, phụ tùng ngành nhựa;
- Mua bán nguyên liệu, vật tư sản xuất ngành nhựa;
- Chế tạo thiết bị máy móc ngành nhựa (không tái chế phế thải, rèn, đúc, cán kéo kim loại, dập cắt, gò, hàn, sơn và xi mạ điện tại trụ sở);
- Mua bán nguyên vật liệu, vật tư, sản phẩm máy móc thiết bị ngành công – nông nghiệp, ngành xây dựng (trừ thuốc bảo vệ thực vật), hàng gia dụng;
- In bao bì (không hoạt động tại trụ sở); đại lý kỹ gửi; mua bán hàng hóa;
- Xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông; kinh doanh nhà ở; cho thuê văn phòng, nhà xưởng, kho bãi;
- Sản xuất và mua bán nước tinh khiết đóng chai;
- Kinh doanh nhà ở./.

#### **1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### **1.5 Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**

Trong năm, không có hoạt động nào có ảnh hưởng đáng kể đến các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú.



**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ**

Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**1.6 Cấu trúc Công ty****Các chi nhánh**

<i>Tên chi nhánh</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Hạch toán kế toán</i>
Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh - Công ty CP Nhựa Tân Phú	Số 314 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Q. Tân Phú, Tp.HCM	Hạch toán phụ thuộc
Chi nhánh Công ty CP Nhựa Tân Phú tại Long An	CCN Nhựa Đức Hoà Hạ (lô C16) Ấp Bình Tiên 2, Xã Đức Hoà Hạ, Huyện Đức Hoà, Tỉnh Long An	Hạch toán phụ thuộc
Chi nhánh Công ty CP Nhựa Tân Phú tại Bắc Ninh	Cụm CN Xuân Lâm - Xã Xuân Lâm - Huyện Thuận Thành - Tỉnh Bắc Ninh	Hạch toán phụ thuộc

**Công ty liên kết**

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Hoạt động kinh doanh chính</i>	<i>Tỷ lệ vốn góp</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Nhựa Việt Lào	Đường số 9, bản Huội San, huyện Xê Pôn, tỉnh Savannakhet, Lào.	Sản xuất và kinh doanh nhựa các loại	43,42%	43,42%	43,42%

**2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****2.1 Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****3.1 Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và các thông tư sửa đổi có liên quan.

**3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

#### 4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

#### 4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### 4.4 Các khoản đầu tư tài chính

##### Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo qui định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tặng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá gốc. Việc xác định giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa tại ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp tại ngày kết thúc năm tài chính thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc năm tài chính.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

### **Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

### **Các khoản cho vay**

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

### **Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết**

#### *Công ty liên kết*

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết. Nếu công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính

### **4.5 Các khoản phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

### *Dự phòng nợ khó đòi*

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập theo quy định tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 về việc sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ ba tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

#### **4.6 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình sản xuất.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: Không có chi phí sản xuất kinh doanh dở dang.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền tháng và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

#### **4.7 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

### **Công cụ, dụng cụ**

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

### **Chi phí sửa chữa tài sản cố định**

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 03 năm.

### **Chi phí khác**

Chi phí khác là các khoản chi phí mua bảo hiểm xe ô tô, bảo hiểm tai nạn cho người lao động. Các khoản chi phí này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tương ứng đối với từng khoản chi phí.

#### **4.8 Tài sản thuê hoạt động**

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê

#### **4.9 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc và thiết bị	04 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 – 07
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05

#### **4.10 Tài sản cố định thuê tài chính**

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn

11/01/2019 10:55:01 AM  
3036  
CÔNG  
CỐ P  
NH  
TÂN  
HỮU-T.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc và thiết bị	04 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 – 07
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05

### 4.11 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

#### ***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất là giá trị của lô đất được giao tại Cụm công nghiệp Nhựa Đức Hòa (lô C16), Ấp Bình Tiên 2, Xã Đức Hòa Hạ, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An trong thời hạn 50 năm. Quyền sử dụng đất được trích khấu hao theo thời gian còn lại khi dự án hoàn thành đưa vào sử dụng là 48 năm.

#### ***Chương trình phần mềm***

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

### 4.12 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

### 4.13 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

Chi phí phải trả gồm các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

### **4.14 Vốn chủ sở hữu**

#### ***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

#### ***Thặng dư vốn cổ phần***

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

### **4.15 Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và có thông báo chi trả cổ tức.

### **4.16 Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

#### ***Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm***

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

#### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

### **4.17 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

### **4.18 Thuế thu nhập doanh nghiệp**

#### ***Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành***

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

### **4.19 Báo cáo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

### **4.20 Công cụ tài chính**

#### **Tài sản tài chính**

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

#### **Nợ phải trả tài chính**

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm có các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác và các công cụ tài chính phái sinh.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

### 4.21 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mỗi quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

## 5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

### 5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tiền mặt	280.361.136	351.341.190
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	89.083.895.369	10.915.051.344
Các khoản tương đương tiền	10.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>99.364.256.505</b>	<b>11.266.392.534</b>

Chi tiết số dư các khoản tiền bằng ngoại tệ vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

	Gốc ngoại tệ	Tương đương VND
Tiền mặt ngoại tệ - USD	153,00	3.543.043
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn - USD	9.373,69	217.065.029
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn - EUR	0,65	17.102
<b>Cộng</b>		<b>220.625.174</b>

Các khoản tiền được phong tỏa đảm bảo cho các khoản vay

	Gốc ngoại tệ	Tương đương VND
Ngân hàng Vietcombank - Chi nhánh HCM		2.214.000.000
	5400 USD	125.037.000
		<b>2.339.037.000</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ  
 Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

5.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2018			01/01/2018		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá hợp lý VND
<b>Đầu tư vào công ty liên kết</b>	<b>6.200.072.890</b>	<b>(6.200.072.890)</b>	-	<b>6.200.072.890</b>	<b>(6.200.072.890)</b>	-
Công ty TNHH XNK Nhựa Việt Lào	6.200.072.890	(6.200.072.890)	-	6.200.072.890	(6.200.072.890)	-
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>	-	-	-	<b>500.000.000</b>	-	<b>500.000.000</b>
Công ty CP Đầu tư ngành nước DNP	-	-	-	500.000.000	-	500.000.000
<b>Cộng</b>	<b>6.200.072.890</b>	<b>(6.200.072.890)</b>	-	<b>6.700.072.890</b>	<b>(6.200.072.890)</b>	<b>500.000.000</b>

Thông tin bổ sung cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết.

	31/12/2018			01/01/2018		
	Số lượng CP	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích	Số lượng CP	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
<b>Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</b>						
Công ty TNHH XNK Nhựa Việt Lào	-	43,42%	43,42%	-	43,42%	43,42%
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>						
Công ty CP Đầu tư ngành nước DNP	-	-	-	50.000	0,05%	0,05%

<1> Công ty TNHH XNK Nhựa Việt Lào đã ngừng hoạt động từ cuối năm 2016. Toàn bộ tài sản của Công ty TNHH XNK Nhựa Việt Lào hiện đang bị Ngân hàng phong tỏa để thu hồi các khoản vay chưa thanh toán. Do các cổ đông không thực hiện góp vốn, tái cơ cấu, Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Nhựa Việt Lào không còn khả năng thanh toán các khoản nợ vay đến hạn trả. Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú đánh giá Công ty Việt Lào không còn khả năng hoạt động liên tục trong tương lai nên đã trích lập dự phòng 100% giá trị đầu tư tại Công ty TNHH XNK Nhựa Việt Lào.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**5.3 Phải thu khách hàng ngắn hạn**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Phải thu các bên liên quan</b>				
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Nhựa Việt Lào	2.236.317.729	(2.236.317.729)	2.236.317.729	(2.236.317.729)
Công ty CP Nhựa Đồng Nai	-	-	1.260.494.136	-
<b>Phải thu các khách hàng khác</b>				
Công Ty Cổ Phần Pin Ấc qui Miền Nam	-	-	6.893.430.379	-
CN Công ty CP Pin ắc quy Miền Nam- XN ắc quy Đồng Nai	4.395.289.380	-	-	-
Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Pin ắc quy Miền Nam-XN ắc quy Đồng Nai 2	5.861.023.785	-	21.900.260	-
Công Ty TNHH Earth Corporation Việt Nam	9.678.437.329	-	-	-
Công Ty Cổ Phần Đầu Tư và Xây Dựng TNG	22.000.000.000	-	-	-
Công ty cổ phần Uniben	8.022.306.439	-	-	-
Công ty Cổ phần Á Mỹ Gia	-	-	5.242.197.678	-
Công ty TNHH Tập đoàn An Nông	4.326.171.540	-	4.475.591.694	-
Công ty TNHH ARYSTA LIFESCIENCE Việt Nam	2.723.564.081	-	4.095.092.751	-
Các khách hàng khác	62.772.429.570	(225.675.260)	43.699.329.376	(225.675.260)
<b>Cộng</b>	<b>122.015.539.853</b>	<b>(2.461.992.989)</b>	<b>67.924.354.003</b>	<b>(2.461.992.989)</b>

Trong đó, giá trị các khoản phải thu được sử dụng để bảo đảm cho khoản vay ngắn hạn tại ngày 31/12/2018 của Ngân hàng BPCE IOM – Chi nhánh Hồ Chí Minh là 750.000 USD và của ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (VIB) là 19.000.000.000 đồng và ngân hàng Vietinbank – Chi nhánh 12 là 40.000.000.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Trả trước các bên liên quan</b>				
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Nhựa Việt Lào	858.746.635	(858.746.635)	858.746.635	(858.746.635)
<b>Trả trước các khách hàng khác</b>				
TAIZHOU HUIYUAN MOULD CO.,LTD	-	-	822.097.035	-
Công ty TNHH Hệ thống Thiết bị UMW Việt Nam	-	-	745.800.000	-
Công ty cổ phần xây dựng công nghiệp An Phú Hưng	77.687.500	-	2.131.245.500	-
Công ty TNHH Lập Phúc	12.107.272.300	-	-	-
Công Ty TNHH Nhật Linh	4.888.510.000	-	-	-
SUZHOU TONGDA MACHINERY CO., LTD	503.820.000	-	-	-
Các đối tượng khác	3.171.469.304	(27.500.000)	4.847.418.743	(27.500.000)
<b>Cộng</b>	<b>21.607.505.739</b>	<b>(886.246.635)</b>	<b>9.405.307.913</b>	<b>(886.246.635)</b>

**5.5 Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Phải thu các bên liên quan</b>				
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Nhựa Việt Lào <1>	610.000.000	(610.000.000)	610.000.000	(610.000.000)
<b>Cộng</b>	<b>610.000.000</b>	<b>(610.000.000)</b>	<b>610.000.000</b>	<b>(610.000.000)</b>

<1> Khoản cho Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Nhựa Việt Lào vay gồm 02 hợp đồng:

- Hợp đồng vay vốn số 36/2014/HĐVV ngày 02/10/2014 và phụ lục hợp đồng số 01/2014/PL-HĐVV ngày 01/11/2014 với lãi suất vay 12%/năm trong 06 tháng kể từ ngày 02/10/2014. Tại thời điểm 31/12/2017, số dư khoản cho vay này là 260.000.000 đồng.

- Hợp đồng vay vốn số 01/2016/HĐVV ngày 01/05/2016 với lãi suất vay 8%/năm trong 06 tháng. Tại thời điểm 31/12/2017, số dư khoản cho vay này là 350.000.000 đồng.

Do Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Nhựa Việt Lào đã ngừng hoạt động từ cuối năm 2016 và không có khả năng thanh toán các khoản nợ phải trả, Ban Tổng Giám đốc Công ty CP Nhựa Tân Phú đã thực hiện trích dự phòng 100% đối với các khoản cho vay và không thực hiện tính lãi đối với các hợp đồng này.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**5.6 Phải thu ngắn hạn, dài hạn khác**

**5.6.1 Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Phải thu các bên liên quan</b>				
Công ty TNHH XNK Nhựa Việt Lào - Tiền lãi cho vay	152.404.445	(152.404.445)	152.404.445	(152.404.445)
Công ty TNHH XNK Nhựa Việt Lào - Tiền tạm ứng vốn	1.637.500.000	(1.637.500.000)	1.637.500.000	(1.637.500.000)
Công ty CP Sản xuất và Kinh doanh nước sạch số 3 Hà Nội - Lãi hợp tác đầu tư	621.369.863	-	-	-
Công ty CP Nhựa Đồng Nai - Mượn nguyên liệu	-	-	305.081.732	-
<b>Phải thu các đối tượng khác</b>				
Ký quỹ, ký cược	2.616.898.916	-	45.541.748	-
Phải thu lãi tiền gửi kỳ hạn, lãi tiền ký quỹ	21.740.731	-	28.484.223	-
Tiền tạm ứng cho CBNV	9.242.234.224	-	844.417.769	-
Phải thu khác	844.482.905	-	588.426.983	-
<b>Cộng</b>	<b>15.136.631.084</b>	<b>(1.789.904.445)</b>	<b>3.601.856.900</b>	<b>(1.789.904.445)</b>

**5.6.2 Phải thu dài hạn khác**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ký quỹ, ký cược	5.044.747.914	-	6.396.350.727	-
Thuế GTGT của TSCĐ thuê tài chính	4.078.727.670	-	4.250.242.993	-
Phải thu khác	445.497.890	-	445.497.890	-
<b>Cộng</b>	<b>9.568.973.474</b>	<b>-</b>	<b>11.092.091.610</b>	<b>-</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**5.7 Nợ xấu**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Nhựa Việt Lào	5.494.968.809	-	5.494.968.809	-
<i>Phải thu tiền bán hàng</i>	2.236.317.729	-	2.236.317.729	-
<i>Phải thu tiền cho vay vốn</i>	610.000.000	-	610.000.000	-
<i>Phải thu tiền lãi vay</i>	152.404.445	-	152.404.445	-
<i>Phải thu tạm ứng góp vốn</i>	1.637.500.000	-	1.637.500.000	-
<i>Trả trước người bán</i>	858.746.635	-	858.746.635	-
Các đối tượng khác	253.175.260	-	253.175.260	-
<b>Cộng</b>	<b>5.748.144.069</b>	<b>-</b>	<b>5.748.144.069</b>	<b>-</b>

**5.8 Hàng tồn kho**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	3.840.484.028	-	5.489.285.575	-
Nguyên liệu, vật liệu	72.099.365.962	(35.017.997)	62.141.379.640	(35.017.997)
Công cụ, dụng cụ	22.261.909.260	-	11.770.338.970	-
Thành phẩm	31.689.935.128	(3.312.676)	25.457.797.792	(32.760.803)
Hàng hoá	10.822.982.356	(38.407.652)	4.766.588.048	(38.407.652)
<b>Cộng</b>	<b>140.714.676.734</b>	<b>(76.738.325)</b>	<b>109.625.390.025</b>	<b>(106.186.452)</b>

Giá trị hàng tồn kho luân chuyển được sử dụng làm tài sản bảo đảm thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn Ngân hàng BPCE IOM – Chi nhánh Hồ Chí Minh tại thời điểm 31/12/2018 là 750.000 USD và ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam là 19.000.000.000 đồng, ngân hàng Vietinbank – Chi nhánh 12 là 30.000.000.000 đồng.

Giá trị dự phòng là giá trị của các vật tư nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa đã hư hỏng mất phẩm chất nhưng chưa được thanh lý



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

### 5.9 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
<b>Số dư tại 01/01/2018</b>	<b>84.240.798.583</b>	<b>119.119.388.813</b>	<b>7.985.091.688</b>	<b>631.416.115</b>	-	<b>211.976.695.199</b>
Mua trong năm	1.842.928.182	34.830.745.459	89.090.909	-	-	36.762.764.550
Đầu tư XDCB hoàn thành	844.054.328	16.151.067.337	-	-	-	16.995.121.665
Mua lại TSCĐ TTC	-	15.998.737.954	2.146.547.273	-	-	18.145.285.227
Thanh lý, nhượng bán	-	(35.793.569.242)	(4.636.125.710)	-	-	(40.429.694.952)
<b>Số dư tại 31/12/2018</b>	<b>86.927.781.093</b>	<b>150.306.370.321</b>	<b>5.584.604.160</b>	<b>631.416.115</b>	-	<b>243.450.171.689</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>						
<b>Số dư tại 01/01/2018</b>	<b>36.121.375.821</b>	<b>96.670.306.697</b>	<b>7.589.922.301</b>	<b>454.042.927</b>	-	<b>140.835.647.746</b>
Khấu hao trong năm	7.031.149.957	8.975.519.129	213.081.042	43.611.009	-	16.263.361.137
Mua lại TSCĐ TTC	-	15.847.191.177	1.811.151.079	-	-	17.658.342.256
Thanh lý, nhượng bán	-	(23.412.416.032)	(4.267.054.423)	-	-	(27.679.470.455)
<b>Số dư tại 31/12/2018</b>	<b>43.152.525.778</b>	<b>98.080.600.971</b>	<b>5.347.099.999</b>	<b>497.653.936</b>	-	<b>147.077.880.684</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
<b>Số dư tại 01/01/2018</b>	<b>48.119.422.762</b>	<b>22.449.082.116</b>	<b>395.169.387</b>	<b>177.373.188</b>	-	<b>71.141.047.453</b>
<b>Số dư tại 31/12/2018</b>	<b>43.775.255.315</b>	<b>52.225.769.350</b>	<b>237.504.161</b>	<b>133.762.179</b>	-	<b>96.372.291.005</b>

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đem thế chấp cho các khoản vay tại Ngân hàng là 83.121.710.874 đồng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 88.878.474.116 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

### 5.10 Tình hình tăng giảm tài sản cố định thuê tài chính

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	TSCĐ khác VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Số dư tại 01/01/2018	-	206.324.487.100	8.848.787.887	-	-	215.173.274.987
Thuê tài chính trong kỳ	-	31.148.990.276	2.796.510.845	-	-	33.945.501.121
Mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	(15.998.737.954)	(2.146.547.273)	-	-	(18.145.285.227)
<b>Số dư tại 31/12/2018</b>	-	<b>221.474.739.422</b>	<b>9.498.751.459</b>	-	-	<b>230.973.490.881</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>						
Số dư tại 01/01/2018	-	45.470.086.932	2.121.354.594	-	-	47.591.441.526
Khấu hao trong kỳ	-	27.188.805.947	1.820.489.638	-	-	29.009.295.585
Mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	(15.847.191.177)	(1.811.151.079)	-	-	(17.658.342.256)
<b>Số dư tại 31/12/2018</b>	-	<b>56.811.701.702</b>	<b>2.130.693.153</b>	-	-	<b>58.942.394.855</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Số dư tại 01/01/2018	-	160.854.400.168	6.727.433.293	-	-	167.581.833.461
Số dư tại 31/12/2018	-	164.663.037.720	7.368.058.306	-	-	172.031.096.026

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

### 5.11 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	Chương trình phần mềm	TSCĐ khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Số dư tại 01/01/2018	7.011.345.218	-	-	279.000.000	-	7.290.345.218
Mua trong năm	-	-	120.000.000	121.030.000	-	241.030.000
<b>Số dư tại 31/12/2018</b>	<b>7.011.345.218</b>	<b>-</b>	<b>120.000.000</b>	<b>400.030.000</b>	<b>-</b>	<b>7.531.375.218</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>						
Số dư tại 01/01/2018	1.381.959.952	-	-	279.000.000	-	1.660.959.952
Khấu hao trong năm	146.534.976	-	9.999.999	16.809.720	-	173.344.695
<b>Số dư tại 31/12/2018</b>	<b>1.528.494.928</b>	<b>-</b>	<b>9.999.999</b>	<b>295.809.720</b>	<b>-</b>	<b>1.834.304.647</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Số dư tại 01/01/2018	5.629.385.266	-	-	-	-	5.629.385.266
<b>Số dư tại 31/12/2018</b>	<b>5.482.850.290</b>	<b>-</b>	<b>110.000.001</b>	<b>104.220.280</b>	<b>-</b>	<b>5.697.070.571</b>

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 5.482.850.290 đồng.

Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 279.000.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

### 5.12 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	01/01/2018	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển tăng TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	31/12/2018
	VND	VND	VND	VND	VND
Mua sắm TSCĐ	25.798.963.616	14.410.011.596	23.411.125.689	9.793.022.503	7.004.827.020
<i>Máy móc, thiết bị sản xuất nhựa nhập mua và thuê tài chính chưa nghiệm thu</i>	25.798.963.616	14.410.011.596	23.411.125.689	9.793.022.503	7.004.827.020
Xây dựng cơ bản	7.020.875.400	7.360.576.622	646.270.600	-	13.735.181.422
<i>Xây dựng nhà xưởng Bắc Ninh GD 2</i>	7.020.875.400	6.714.306.022	-	-	13.735.181.422
<i>Xưởng sạch - nhà máy CNHCM</i>	-	646.270.600	646.270.600	-	-
<i>Xưởng sạch - Nhà máy Long An</i>	-	-	-	-	-
	<b>32.819.839.016</b>	<b>21.770.588.218</b>	<b>24.057.396.289</b>	<b>9.793.022.503</b>	<b>20.740.008.442</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**5.13 Chi phí trả trước**

**5.13.1 Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	2.503.997.084	2.226.816.647
Chi phí sửa chữa tài sản	156.211.092	455.521.497
Các khoản khác	3.184.751.207	1.245.667.994
<b>Cộng</b>	<b>5.844.959.383</b>	<b>3.928.006.138</b>

**5.13.2 Chi phí trả trước dài hạn**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	10.659.066.857	11.184.365.778
Chi phí sửa chữa tài sản	4.324.563.945	899.503.735
Các khoản khác	2.279.096.438	658.146.994
<b>Cộng</b>	<b>17.262.727.240</b>	<b>12.742.016.507</b>

**5.14 Phải trả người bán ngắn hạn**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>Phải trả các bên liên quan</b>				
Công ty CP Nhựa Đồng Nai	1.471.067.489	1.471.067.489	242.037.810	242.037.810
<b>Phải trả nhà cung cấp khác</b>				
JAMPOO UNION CORP - FOMRMOA CHEMICALS & FIERE CORP	6.987.158.010	6.987.158.010	-	-
VINMAR INTERNATIONAL, Borouge Pte Ltd	4.545.572.625	4.545.572.625	-	-
	2.019.860.872	2.019.860.872	-	-
Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Pin ắc quy Miền Nam-XN ắc quy Đồng Nai 2	2.787.587.075	2.787.587.075		
TOSHIBA MACHINE S. E. ASIA PTE.LTD	-	-	4.518.438.000	4.518.438.000
Scg Plastics Co., Ltd	-	-	3.187.238.400	3.187.238.400
Các nhà cung cấp khác	16.635.316.160	16.635.316.160	14.010.503.929	14.010.503.929
<b>Cộng</b>	<b>34.446.562.231</b>	<b>34.446.562.231</b>	<b>21.958.218.139</b>	<b>21.958.218.139</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

### 5.15 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng đầu ra phải nộp	-	-	2.235.707.661	3.326.632.092	-	1.090.924.431
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	-	27.401.100.557	27.401.100.557	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	7.809.748	-	1.978.040.166	1.842.963.759	142.886.155	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	274.301.493	987.557.382	254.005.707	459.250.182	-
Thuế thu nhập cá nhân	7.946.313	122.914.217	1.225.547.344	1.193.232.343	7.764.961	90.417.864
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	1.095.032.922	1.095.032.922	-	-
Các loại thuế khác	35.822.593	-	-	-	35.822.593	-
<b>Cộng</b>	<b>51.578.654</b>	<b>397.215.710</b>	<b>34.922.986.032</b>	<b>35.112.967.380</b>	<b>645.723.891</b>	<b>1.181.342.295</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**5.16 Chi phí phải trả**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Chi phí lãi vay	1.221.535.462	950.589.258
Chi phí thuê tài sản - máy nhựa	1.246.482.496	1.246.482.496
Chi phí hoa hồng môi giới	407.514.496	49.057.465
<b>Cộng</b>	<b>2.875.532.454</b>	<b>2.246.129.219</b>

**5.17 Phải trả ngắn hạn, dài hạn khác**

**5.17.1 Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Kinh phí công đoàn	1.070.854.902	1.070.854.902	1.500.788.032	1.500.788.032
Bảo hiểm xã hội	50.550.673	50.550.673	75.805.307	75.805.307
Bảo hiểm y tế	-	-	-	-
Bảo hiểm thất nghiệp	-	-	-	-
Cổ tức phải trả	98.053.700	98.053.700	98.053.700	98.053.700
Phải trả khác	384.099.965	384.099.965	37.691.863	37.691.863
<b>Cộng</b>	<b>1.603.559.240</b>	<b>1.603.559.240</b>	<b>1.712.338.902</b>	<b>1.712.338.902</b>

**5.17.2 Phải trả dài hạn khác**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Đặt cọc làm khuôn sản xuất	11.480.309.025	11.480.309.025	1.678.729.025	1.678.729.025
Phải trả khác	45.000.000	45.000.000	50.000.000	50.000.000
<b>Cộng</b>	<b>11.525.309.025</b>	<b>11.525.309.025</b>	<b>1.728.729.025</b>	<b>1.728.729.025</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**5.18 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, dài hạn**

**5.18.1 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	31/12/2018		Trong năm		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>1&gt;Vay ngắn hạn</b>	<b>307.656.108.929</b>	<b>307.656.108.929</b>	<b>731.793.402.706</b>	<b>642.413.841.127</b>	<b>218.276.547.350</b>	<b>218.276.547.350</b>
Bên liên quan - Công ty Cổ phần Bình Hiệp	-	-	9.000.000.000	9.000.000.000	-	-
VietinBank - Chi nhánh 12	88.412.062.774	88.412.062.774	132.746.676.386	79.979.496.309	35.644.882.697	35.644.882.697
Ngân hàng BPCEIOM Chi nhánh Tp.HCM	32.095.151.665	32.095.151.665	90.491.894.096	90.351.319.848	31.954.577.417	31.954.577.417
Vietcombank - Chi nhánh Tp. HCM	131.074.116.679	131.074.116.679	312.016.677.833	281.671.727.821	100.729.166.667	100.729.166.667
Ngân hàng TMCP Quốc Tế VIB CN TPHCM	21.665.850.000	21.665.850.000	100.702.153.236	85.417.444.074	6.381.140.838	6.381.140.838
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng CN TPHCM	34.408.927.811	34.408.927.811	86.836.001.155	95.993.853.075	43.566.779.731	43.566.779.731
<b>2&gt; Vay dài hạn đến hạn trả</b>	<b>12.808.800.000</b>	<b>12.808.800.000</b>	<b>12.808.800.000</b>	<b>9.300.841.921</b>	<b>9.300.841.921</b>	<b>9.300.841.921</b>
VietinBank - Chi nhánh 12	-	-	-	1.919.160.000	1.919.160.000	1.919.160.000
Shinhanbank - Chi nhánh Hà Nội	-	-	-	3.669.486.260	3.669.486.260	3.669.486.260
Vietcombank - Chi nhánh Tp. HCM	12.808.800.000	12.808.800.000	12.808.800.000	3.712.195.661	3.712.195.661	3.712.195.661
<b>3&gt; Nợ thuê tài chính đến hạn trả</b>	<b>43.252.822.402</b>	<b>43.252.822.402</b>	<b>42.809.274.332</b>	<b>37.860.849.712</b>	<b>38.304.397.782</b>	<b>38.304.397.782</b>
Công ty TNHH MTV CTTC NHTMCP Ngoại Thương Việt Nam	27.126.865.791	27.126.865.791	27.126.865.791	19.907.452.496	19.907.452.496	19.907.452.496
Công ty TNHH MTV CTTC NH Sài Gòn Thương Tín Việt Nam - CN Hà Nội	127.200.000	127.200.000	127.200.000	127.200.000	127.200.000	127.200.000
Công ty CTTC TNHH MTV NH TMCP Công Thương Việt Nam - CN Tp.HCM	-	-	-	84.024.880	84.024.880	84.024.880
Công ty TNHH MTV CTTC Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín	8.726.704.800	8.726.704.800	8.726.704.800	8.136.373.200	8.136.373.200	8.136.373.200
Công ty TNHH CTTC Quốc Tế CHAILEASE	6.910.287.596	6.910.287.596	6.466.739.526	8.844.754.336	9.288.302.406	9.288.302.406
Công ty TNHH CTTC Quốc Tế Việt Nam	361.764.215	361.764.215	361.764.215	761.044.800	761.044.800	761.044.800
<b>Cộng</b>	<b>363.717.731.331</b>	<b>363.717.731.331</b>	<b>787.411.477.038</b>	<b>689.575.532.760</b>	<b>265.881.787.053</b>	<b>265.881.787.053</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Thuyết minh các khoản vay ngắn hạn**

Hợp đồng vay	Thời hạn vay	Lãi suất	Hạn mức vay	Số dư nợ gốc tại 31/12/2018	Mục đích vay	Tài sản bảo đảm
<b>Khoản vay ngân hàng VP Bank</b> 221/2018/HĐHM/CMB ngày 5/9/2018	04 - 06 tháng	Theo từng khế ước nhận nợ	50.000.000.000 hoặc ngoại tệ quy đổi tương đương	34.408.927.811	Bổ sung vốn lưu động phục vụ SXKD, phát hành L/C	Tin chấp với giá trị 35 tỷ và mở LC với giá trị 15 tỷ bổ sung tài sản bảo đảm khi mở
<b>Khoản vay ngân hàng BPCE IOM</b> FCA-000435-2017 ngày 20/12/2017, Phụ lục FCA-000435-2017/01 ngày 10/12/2018	05 - 06 tháng	Theo từng khế ước nhận nợ	1.500.000 USD	32.095.151.665	Bổ sung vốn lưu động phục vụ SXKD	Hàng tồn kho và các khoản phải thu với giá trị 1.650.000USD.
<b>Khoản vay ngân hàng Vietcombank - CN Hồ Chí Minh</b> 0120/1838/N-CTD ngày 11/09/2018	06 tháng	Theo từng khế ước nhận nợ	150.000.000.000	131.074.116.679	Bổ sung vốn lưu động phục vụ SXKD	- Nhà xưởng Bắc Ninh giai đoạn 1, giai đoạn 2 - Bảo lãnh vay vốn của CTCP Nhựa Đồng Nai - Bảo hiểm hàng tồn kho với giá trị 50 tỷ
<b>Khoản vay Ngân hàng VIB Bank</b> 006/HĐTD2-VIB880/18 ngày 08/06/2018	04 tháng	Lãi suất thả nổi, chịu sự điều chỉnh theo quy định về lãi suất của VIB từng thời kỳ	30.000.000.000 hoặc ngoại tệ quy đổi tương đương	21.665.850.000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ SXKD	- Hàng tồn kho luân chuyển chốt số dư tối thiểu 19 tỷ đồng - Khoản phải thu của Công ty với giá trị tối thiểu 19 tỷ đồng - Bảo lãnh vay vốn của CTCP Nhựa Đồng Nai
<b>Khoản vay Ngân hàng Vietinbank - CN 12</b> 56/2018-HĐCVHM/NHCT994-TANPHU ngày 28/06/2018	06 tháng	Theo từng khế ước nhận nợ	100.000.000.000	88.412.062.774	Bổ sung vốn lưu động phục vụ SXKD	Tài sản cố định sản xuất nhựa theo các Hợp đồng thế chấp tài sản số 11/HĐTC ngày 06/08/2012 và Hợp đồng thế chấp tài sản số 30/HĐTC ngày 17/04/2015, hàng tồn kho với giá trị là 30.000.000.000 đồng và khoản phải thu là 40.000.000.000 đồng
<b>Cộng</b>				<b>307.656.108.929</b>		



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**5.18.2 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	31/12/2018		Trong năm		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>1&gt; Vay dài hạn</b>	<b>100.780.743.941</b>	<b>100.780.743.941</b>	<b>203.949.893.521</b>	<b>135.744.594.907</b>	<b>32.575.445.327</b>	<b>32.575.445.327</b>
Shinhanbank - Chi nhánh Hà Nội	-	-	-	4.586.857.797	4.586.857.797	4.586.857.797
Vietcombank - Chi nhánh Tp. HCM	31.496.743.941	31.496.743.941	35.345.449.693	17.352.293.282	13.503.587.530	13.503.587.530
Vay đối tượng khác	69.284.000.000	69.284.000.000	168.604.443.828	113.805.443.828	14.485.000.000	14.485.000.000
<b>2&gt; Nợ thuê tài chính</b>	<b>61.313.887.246</b>	<b>61.313.887.246</b>	<b>55.929.179.321</b>	<b>80.157.596.603</b>	<b>85.542.304.528</b>	<b>85.542.304.528</b>
Công ty TNHH MTV CTTC NHTMCP Ngoại Thương Việt Nam	39.234.385.220	39.234.385.220	51.634.657.521	61.992.421.919	49.592.149.618	49.592.149.618
Công ty TNHH CTTC Quốc Tế CHALEASE	3.665.733.801	3.665.733.801	1.573.410.000	7.692.148.509	9.784.472.310	9.784.472.310
Công ty TNHH CTTC Quốc Tế Việt Nam	-	-	-	547.559.215	547.559.215	547.559.215
Công ty TNHH MTV CTTC Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín	18.169.968.225	18.169.968.225	2.721.111.800	9.798.266.960	25.247.123.385	25.247.123.385
Công ty TNHH MTV CTTC Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín CN Hà Nội	243.800.000	243.800.000		127.200.000	371.000.000	371.000.000
<b>Cộng</b>	<b>162.094.631.187</b>	<b>162.094.631.187</b>	<b>259.879.072.842</b>	<b>215.902.191.510</b>	<b>118.117.749.855</b>	<b>118.117.749.855</b>

Tình hình thanh toán các khoản nợ thuê tài chính:

	Năm nay			Năm trước		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc
Trên 1 năm đến 5 năm	85.465.221.051	10.256.049.068	75.209.171.983	54.178.008.539	8.248.712.650	45.929.295.889
<b>Cộng</b>	<b>85.465.221.051</b>	<b>10.256.049.068</b>	<b>75.209.171.983</b>	<b>54.178.008.539</b>	<b>8.248.712.650</b>	<b>45.929.295.889</b>



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

### Thuyết minh các khoản vay dài hạn

Hợp đồng vay	Thời hạn vay	Lãi suất	Số dư nợ gốc tại 31/12/2018	Số phải trả đến 31/12/2019	Mục đích vay	Tài sản bảo đảm
<b>Khoản vay ngân hàng Vietcombank - CN Hồ Chí Minh</b>						
0125/1838/T-DA/01 ngày 11/09/2018	60 tháng	Lãi suất điều chỉnh theo thời kỳ	9.854.000.000	1.970.800.000	Đầu tư XD nhà xưởng Bắc Ninh giai đoạn 2	Nhà xưởng Bắc Ninh giai đoạn 1, giai đoạn 2
0024/ĐTDA/15CD ngày 07/07/2015	60 tháng	Lãi suất điều chỉnh 3 tháng/lần	5.389.043.941	3.088.000.000	Đầu tư thiết bị máy móc thiết bị và khuôn mẫu sản xuất bình PET 19 lít, chai PET 5 lít, nắp và quai chai 5 lít	Dây chuyền sản xuất bình PET 19, chai PET 5 lít, nắp và chai 5 lit Lavie
01/TDH-0158/KHDN/17NH ngày 25/7/2017	60 tháng	Lãi suất điều chỉnh 3 tháng/lần	29.062.500.000	7.750.000.000	Đầu tư mua sắm TSCĐ sản xuất sản phẩm nhựa	Máy móc sản xuất bao bì nhựa hình thành từ vốn tự có và vốn vay
<b>Các khoản vay cá nhân</b>						
Vay nhân viên Công ty			69.284.000.000		Bổ sung vốn hoạt động kinh doanh	Tín chấp
<b>Cộng</b>			<b>113.589.543.941</b>	<b>12.808.800.000</b>		



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

### Thuyết minh các hợp đồng thuê tài chính

<u>Hợp đồng TTC</u>	<u>Thời hạn thuê</u>	<u>Dư nợ gốc</u>	<u>Lãi suất</u>	<u>Số dư nợ gốc tại 31/12/2018</u>	<u>Số phải trả đến 31/12/2019</u>	<u>Tài sản Thuê TC</u>
Công ty TNHH MTV Cho Thuê Tài Chính NHTMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Tp.HCM	36 - 60 tháng	108.033.983.802	Lãi suất điều chỉnh theo thời kỳ	66.361.251.011	27.126.865.791	Khuôn và máy móc sản xuất nhựa
Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín	48 - 60 tháng	40.722.912.125	Lãi suất điều chỉnh theo thời kỳ	26.896.673.025	8.726.704.800	Khuôn và máy móc sản xuất nhựa
Công ty TNHH cho thuê Tài Chính Quốc Tế CHAILEASE	44 - 48 tháng	28.466.383.153	Lãi suất điều chỉnh theo thời kỳ	10.576.021.397	6.466.714.771	Khuôn và máy móc sản xuất nhựa, xe ô tô
Công ty TNHH Cho Thuê Tài Chính Quốc Tế Việt Nam		3.807.802.190	Lãi suất điều chỉnh theo thời kỳ	361.764.215	361.764.215	Khuôn và máy móc sản xuất nhựa
Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín - CN Hà Nội		508.800.000	Lãi suất điều chỉnh theo thời kỳ	371.000.000	127.200.000	Xe ô tô
<b>Cộng</b>				<b>104.566.709.648</b>	<b>42.809.249.577</b>	

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

### 5.19 Vốn chủ sở hữu (“VCSH”)

#### 5.19.1 Bảng biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	LNST chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Số dư tại 01/01/2017</b>	<b>65.995.510.000</b>	<b>2.039.728.228</b>	<b>7.153.195.174</b>	<b>1.619.362.595</b>	<b>26.002.319.600</b>	<b>102.810.115.597</b>
Chuyển lợi nhuận các chi nhánh về Công ty	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	2.663.547.301	2.663.547.301
Hoàn nhập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	551.350.493	551.350.493
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	9.897.160.000	-	-	-	(9.897.160.000)	-
Chia cổ phiếu thưởng	24.086.220.000	(2.039.728.228)	(7.153.195.174)	(1.619.362.595)	(13.273.934.003)	-
<b>Số dư tại 31/12/2017</b>	<b>99.978.890.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>6.046.123.391</b>	<b>106.025.013.391</b>
<b>Số dư tại 01/01/2018</b>	<b>99.978.890.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>6.046.123.391</b>	<b>106.025.013.391</b>
Tăng vốn trong năm nay	42.400.000.000	(40.000.000)	-	-	-	42.360.000.000
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	3.782.397.771	3.782.397.771
<b>Số dư tại 31/12/2018</b>	<b>142.378.890.000</b>	<b>(40.000.000)</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>9.828.521.162</b>	<b>152.167.411.162</b>



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**5.19.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Công ty CP Nhựa Đồng Nai	72.631.650.000	51,01%	72.631.650.000	72,65%
Vốn góp của cổ đông khác	69.747.240.000	48,99%	27.347.240.000	27,35%
<b>Cộng</b>	<b>142.378.890.000</b>	<b>100%</b>	<b>99.978.890.000</b>	<b>100%</b>

**5.19.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm nay VND	Năm 2017 VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp đầu năm	99.978.890.000	65.995.510.000
Vốn góp tăng trong năm	42.400.000.000	33.983.380.000
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	142.378.890.000	99.978.890.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	-	9.897.160.000
<i>Trong đó chia bằng cổ phiếu</i>	-	9.897.160.000

**5.19.4 Cổ phiếu**

	31/12/2018 Cổ phiếu	01/01/2018 Cổ phiếu
<b>Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	<b>14.237.889</b>	<b>9.997.889</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>	<b>14.237.889</b>	<b>9.997.889</b>
Cổ phiếu phổ thông	14.237.889	9.997.889
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu được mua lại</b>	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>14.237.889</b>	<b>9.997.889</b>
Cổ phiếu phổ thông	14.237.889	9.997.889
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/Cổ phiếu)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

### 5.20 Tài khoản ngoài bảng

#### 5.20.1 Tài sản thuê ngoài

	<u>31/12/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
	VND	VND
<b>Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời hạn</b>		
Từ 1 năm trở xuống	255.210.950	1.172.986.250
Trên 1 năm đến 5 năm	245.925.750	501.136.700
Trên 5 năm		

Hợp đồng thuê máy ép phun số 599/HĐ-NVN-TCKT ngày 18/06/2007 giữa Công ty CP Nhựa Việt Nam và Công ty CP Nhựa Tân Phú và phụ lục số 02 ngày 25/12/2014 về việc điều chỉnh hợp đồng cho thuê thiết bị khuôn mẫu số 599/HĐ-NVN-TCKT. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 12 năm kể từ ngày ký hợp đồng đến ngày 10/08/2018.

Hợp đồng thuê máy móc, khuôn mẫu số 723/HĐ-NVN-TCKT ngày 24/07/2007 giữa Công ty CP Nhựa Việt Nam và Công ty CP Nhựa Tân Phú và phụ lục số 03 ngày 16/09/2012, phụ lục số 04 ngày 25/12/2014. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 14 năm kể từ ngày ký hợp đồng đến ngày 10/08/2020.

Do các máy móc thuê không đảm bảo hoạt động ổn định, thường xuyên hỏng hóc, Công ty đã làm việc với Công ty CP Nhựa Việt Nam về việc thanh lý các hợp đồng thuê này tuy nhiên hiện chưa có văn bản thống nhất thanh lý.

#### 5.20.2 Ngoại tệ các loại

	<u>31/12/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
USD	9.526,69	188.046,03
EUR	0,65	

#### 5.20.3 Nợ khó đòi đã xử lý

Đối tượng	<u>31/12/2018</u>		<u>01/01/2018</u>	
	Giá trị		Giá trị	
	Năm xử lý	VND	Năm xử lý	VND
Công ty Anco Food	2017	66.142.075	2017	66.142.075
<b>Cộng</b>		<b>66.142.075</b>		<b>66.142.075</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

### 6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

#### 6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

##### 6.1.1 Tổng doanh thu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng hóa	289.870.166.886	124.732.977.069
Doanh thu bán sản phẩm	492.621.441.656	424.956.728.312
<b>Cộng</b>	<b>782.491.608.542</b>	<b>549.689.705.381</b>

##### 6.1.2 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

	Năm nay VND	Năm trước VND
Công ty Cổ phần Đầu tư ngành nước DNP	4.703.400	
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng nước DNP Bắc Giang	5.100.000	
Công ty CP Nhựa Đồng Nai	161.817.467.900	85.051.653.768
<b>Cộng</b>	<b>161.827.271.300</b>	<b>85.051.653.768</b>

#### 6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chiết khấu thương mại	632.187.264	466.078.176
Giảm giá hàng bán	29.862.201	22.382.619
Hàng bán bị trả lại	1.480.657.648	707.288.578
<b>Cộng</b>	<b>2.142.707.113</b>	<b>1.195.749.373</b>

03640  
CÔNG  
CỔ PHẦN  
NHỰA  
TÂN PHÚ  
-T.P.H

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**6.3 Giá vốn hàng bán**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	241.391.458.485	85.690.219.157
Giá vốn của thành phẩm đã bán	454.324.288.043	381.512.093.701
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(29.448.127)	71.168.455
<b>Cộng</b>	<b>695.686.298.401</b>	<b>467.273.481.313</b>

**6.4 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	696.170.338	220.034.536
Lãi chênh lệch tỷ giá	108.332.460	172.138.993
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	60.320.286	-
<b>Cộng</b>	<b>864.823.084</b>	<b>392.173.529</b>

**6.5 Chi phí hoạt động tài chính**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	32.036.030.692	23.258.879.394
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	201.304.199	140.451.083
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	-	167.200.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá	301.229.665	241.206.088
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	3.105.477
Dự phòng giảm giá CK kinh doanh và tổn thất đầu tư	-	(231.800.000)
Chi phí tài chính khác	11.600	649.183
<b>Cộng</b>	<b>32.538.576.156</b>	<b>23.579.691.225</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**6.6 Chi phí bán hàng**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên	12.396.040.465	8.817.997.405
Chi phí vật liệu, bao bì	11.105.472	-
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	474.471.668	205.837.106
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.057.159.896	999.334.565
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.194.116.297	8.379.657.247
Chi phí bằng tiền khác	7.524.435.987	3.762.238.562
<b>Cộng</b>	<b>30.657.329.785</b>	<b>22.165.064.885</b>

**6.7 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	19.555.433.156	19.004.867.193
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.024.870.048	1.105.608.819
Chi phí khấu hao TSCĐ	717.119.324	633.660.159
Thuế, phí và lệ phí	23.910.266	23.910.266
Chi phí dự phòng	-	107.769.400
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.145.108.806	3.722.193.032
Chi phí bằng tiền khác	8.223.177.073	10.054.688.865
<b>Cộng</b>	<b>32.689.618.673</b>	<b>34.652.697.734</b>

**6.8 Thu nhập khác**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	14.381.280.902	1.439.591.502
Các khoản khác	924.122.292	1.754.397.097
<b>Cộng</b>	<b>15.305.403.194</b>	<b>3.193.988.599</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**6.9 Chi phí khác**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Các khoản bị phạt	10.216.765	-
Các khoản khác	167.132.774	831.416.970
<b>Cộng</b>	<b>177.349.539</b>	<b>831.416.970</b>

**6.10 Chi phí thuế TNDN hiện hành**

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>4.769.955.153</b>	<b>3.577.766.009</b>
<b>Các khoản điều chỉnh lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế TNDN</b>	<b>167.831.758</b>	<b>747.944.264</b>
Các khoản điều chỉnh tăng	167.831.758	747.944.264
Các khoản chi phí không được trừ	179.632.391	822.244.419
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện các khoản tiền và phải thu	(11.800.633)	(74.300.155)
<b>Thu nhập tính thuế TNDN</b>	<b>4.937.786.911</b>	<b>4.325.710.273</b>
Trong đó,		
Thu nhập được ưu đãi thuế (giảm 50%)	-	4.325.710.273
<b>Thuế suất thuế TNDN không ưu đãi</b>	<b>20%</b>	<b>20%</b>
<b>Thuế TNDN theo thuế suất thông thường</b>	<b>987.557.382</b>	<b>865.142.055</b>
<b>Thuế TNDN được miễn, giảm</b>	<b>-</b>	<b>432.571.028</b>
Thuế TNDN được ưu đãi giảm 50% do đầu tư mở rộng tại Long An	-	432.571.028
<b>Chi phí thuế TNDN tính trên TNCT năm hiện hành</b>	<b>987.557.382</b>	<b>432.571.027</b>
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	481.647.681
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>987.557.382</b>	<b>914.218.708</b>

Năm 2017 là năm cuối cùng chi nhánh Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú tại Long An được giảm 50% số thuế phải nộp theo Công văn số 2579/CT\_TTHT ngày 21/12/2015 của Cục thuế tỉnh Long An về việc ưu đãi thuế Thu nhập doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**6.11 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	3.782.397.771	2.663.547.301
Lợi nhuận hoặc (Lỗ) phân bổ cho cổ đông phổ thông	3.782.397.771	2.663.547.301
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	11.415.094	9.997.889
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>331</b>	<b>266</b>

**6.12 Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	3.782.397.771	2.663.547.301
Lợi nhuận hoặc (Lỗ) phân bổ cho cổ đông phổ thông	3.782.397.771	2.663.547.301
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	11.415.094	9.997.889
Cổ phiếu phổ thông phát hành từ nguồn vốn chủ sở hữu		
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>331</b>	<b>266</b>

**6.13 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân công	95.484.812.251	83.503.768.149
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	335.484.761.826	260.804.010.882
Chi phí công cụ dụng cụ	15.957.025.913	11.823.391.526
Chi phí khấu hao tài sản cố định	45.446.001.417	44.672.078.247
Thuế, phí, lệ phí	23.910.266	23.910.266
Chi phí dự phòng	-	107.769.400
Chi phí dịch vụ mua ngoài	47.879.989.368	46.253.701.532
Chi phí khác bằng tiền	15.747.613.060	15.089.334.576
<b>Cộng</b>	<b>556.024.114.101</b>	<b>462.277.964.578</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

### 7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

#### 7.1 Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai

	Năm nay VND	Năm trước VND
Mua tài sản bằng cách nhận các khoản nợ liên quan trực tiếp hoặc thông qua nghiệp vụ cho thuê tài chính	55.929.179.321	65.261.120.006

#### 7.2 Các khoản tiền và tương đương tiền Công ty đang nắm giữ nhưng không được sử dụng

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Tiền gửi thanh toán ký quỹ cho các hợp đồng thuê tài chính tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	2.339.037.000	533.450.000
<i>Trong đó:</i>		
USD	5.400	23.500

#### 7.3 Tiền thu từ đi vay

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	935.743.296.227	524.891.117.078

#### 7.4 Tiền trả nợ gốc vay

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	774.650.477.955	430.326.459.446

### 8. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Công ty có các tài sản tài chính như các khoản cho vay, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản nợ vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức độ hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Ban giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

### *i. Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá cổ phần.

#### *Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

#### *Rủi ro ngoại tệ*

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỉ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỉ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của công ty.

Công ty có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch mua, bán bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty, chủ yếu bằng VND, và ngoài ra, bằng Đô la Mỹ (USD)

Rủi ro tỷ giá hối đoái của Công ty được quản lý bằng cách giữ mức rủi ro ở mức có thể chấp nhận được thông qua mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết để xử lý việc mức rủi ro tỷ giá hối đoái ngắn hạn vượt mức cho phép.

#### *Rủi ro về giá hàng hóa*

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Rủi ro này sẽ được Công ty quản trị bằng việc thực hiện mua hàng từ một số lượng lớn các nhà cung cấp khác nhau, cũng như linh hoạt trong việc đàm phán.

#### *Rủi ro về giá cổ phiếu*

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của các cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu. Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

### *ii. Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ**

Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018***Phải thu khách hàng*

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

*Tiền gửi ngân hàng*

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

*Cho vay*

Công ty có cho đơn vị liên kết vay tiền. Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi đầy đủ đối với khoản cho vay không có khả năng thu hồi.

**iii. Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
<b>Tại ngày 31/12/2018</b>				
Vay và nợ	363.717.731.331	162.094.631.187		525.812.362.518
Phải trả người bán	34.446.562.231			34.446.562.231
Chi phí phải trả	2.875.532.454			2.875.532.454
Phải trả khác	1.603.559.240	11.525.309.025	-	13.128.868.265
<b>Cộng</b>	<b>402.643.385.256</b>	<b>173.619.940.212</b>	<b>-</b>	<b>576.263.325.468</b>
<b>Tại ngày 01/01/2018</b>				
Vay và nợ	265.881.787.053	118.117.749.855		383.999.536.908
Phải trả người bán	21.958.218.139			21.958.218.139
Chi phí phải trả	2.246.129.219			2.246.129.219
Phải trả khác	1.712.338.902	1.728.729.025	-	3.441.067.927
<b>Cộng</b>	<b>291.798.473.313</b>	<b>119.846.478.880</b>	<b>-</b>	<b>411.644.952.193</b>

Ban Tổng Giám đốc cam kết Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết để thanh toán các khoản nợ đến hạn trả.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ  
 Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**iv. Giá trị hợp lý**

(1) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	31/12/2018		01/01/2018		31/12/2018	01/01/2018
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>						
Tiền và các khoản tương đương tiền	99.364.256.505	-	11.266.392.534	-	99.364.256.505	11.266.392.534
Phải thu khách hàng	122.015.539.853	(2.461.992.989)	67.924.354.003	(2.461.992.989)	119.553.546.864	65.462.361.014
Phải thu về cho vay	610.000.000	-	610.000.000	-	610.000.000	610.000.000
Phải thu khác	24.705.604.558	(1.789.904.445)	14.693.948.510	(1.789.904.445)	22.915.700.113	12.904.044.065
Đầu tư tài chính	6.200.072.890	(6.200.072.890)	6.200.072.890	(6.200.072.890)	-	-
	<b>252.895.473.806</b>	<b>(10.451.970.324)</b>	<b>100.694.767.937</b>	<b>(10.451.970.324)</b>	<b>242.443.503.482</b>	<b>90.242.797.613</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>						
Vay và nợ	525.812.362.518	-	383.999.536.908	-	525.812.362.518	383.999.536.908
Phải trả người bán	34.446.562.231	-	21.958.218.139	-	34.446.562.231	21.958.218.139
Chi phí phải trả	2.875.532.454	-	2.246.129.219	-	2.875.532.454	2.246.129.219
Phải trả khác	13.128.868.265	-	3.441.067.927	-	13.128.868.265	3.441.067.927
	<b>576.263.325.468</b>	<b>-</b>	<b>411.644.952.193</b>	<b>-</b>	<b>576.263.325.468</b>	<b>411.644.952.193</b>



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

(2) *Cơ sở xác định giá trị hợp lý*

Giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Việc ước tính giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Công ty được thực hiện như sau:

Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn và các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác cũng như các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ ngắn hạn.

Ngoài các khoản mục nêu trên, Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày 31/12/2018 do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

**9. CÁC THÔNG TIN KHÁC**

**9.1 Thông tin về các khoản cam kết, bảo lãnh**

**9.1.1 Các khoản cam kết, bảo lãnh**

Trong năm, Công ty không phát sinh các khoản cam kết hoặc bảo lãnh cho một bên khác.

**9.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

**9.2.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt**

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tiền lương, tiền thưởng của Ban điều hành	1.747.938.088	1.618.297.014
Thù lao HĐQT, Ban kiểm soát và các khoản thưởng khác	-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ**

Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**9.2.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác***Giao dịch với các bên liên quan khác*

Bên liên quan	Quan hệ	Nội dung giao dịch	Năm nay VND	Năm trước VND
Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai	Công ty mẹ	Thanh lý tài sản cố định - Máy ép 650T	332.875.000	
		Mua lại tài sản cố định - Máy ép 650T	332.875.000	
		Mua máy tính xách tay	4.545.455	
		Mua nguyên vật liệu	195.405.755.572	66.933.606.265
		Xuất bán nguyên vật liệu, sản phẩm, phụ kiện ngành nước	161.807.664.500	85.051.653.768
		Thu gốc cho vay ngắn hạn		8.000.000.000
		Tiền lãi cho vay		136.333.333
		Thu chuyển hợp đồng thuê tài chính		3.997.914.058
Công ty CP Bình Hiệp	Thành viên tập đoàn	Vay vốn và trả gốc vay	9.000.000.000	
		Lãi vay phải trả Bình Hiệp	226.166.211	
Công ty CP Nhựa Đồng Nai Miền Trung	Thành viên tập đoàn	Chi phí thuê văn phòng giao dịch tại Hà Nội	392.311.636	
Công ty CP Sản xuất và Kinh doanh nước sạch số 3 Hà Nội	Thành viên tập đoàn	Hợp tác đầu tư hưởng lãi cố định	40.000.000.000	
		Thu lại tiền hợp tác đầu tư	40.000.000.000	
		Lãi hợp tác đầu tư	621.369.863	
Công ty Cổ phần Đầu tư ngành nước DNP	Thành viên tập đoàn	Doanh thu bán sản phẩm	4.703.400	
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng nước DNP Bắc Giang	Thành viên tập đoàn	Doanh thu bán sản phẩm	5.100.000	

*Công nợ với các bên liên quan khác*

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày trong các thuyết minh ở Mục 5

**9.3 Thông tin về bộ phận**

Trong năm tài chính 2018, Công ty chủ yếu chỉ hoạt động mua bán nguyên vật liệu và các sản phẩm nhựa. Các hoạt động khác là không đáng kể (dưới 10% tổng doanh thu và lợi nhuận trước thuế) nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực sản xuất mà chỉ lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

### 9.3.1 Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Chỉ tiêu	Năm nay			Năm trước		
	Miền Nam	Miền Bắc	Tổng cộng	Miền Nam	Miền Bắc	Tổng cộng
1. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	645.466.025.539	134.882.875.890	780.348.901.429	461.741.573.771	86.752.382.237	548.493.956.008
2. Khấu hao	35.497.575.503	9.948.425.914	45.446.001.417	41.141.273.913	3.539.141.331	44.680.415.244
3. Lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	68.365.154.726	16.297.448.302	84.662.603.028	72.003.953.352	9.216.521.343	81.220.474.695
4. Tài sản bộ phận	581.926.113.877	155.616.200.202	737.542.314.079	412.757.980.114	112.297.042.067	525.055.022.181
5. Tài sản không phân bổ						
<b>Tổng tài sản</b>	<b>581.926.113.877</b>	<b>155.616.200.202</b>	<b>737.542.314.079</b>	<b>412.757.980.114</b>	<b>112.297.042.067</b>	<b>525.055.022.181</b>
6. Nợ phải trả bộ phận	579.394.854.087	5.980.048.830	585.374.902.917	416.522.370.275	2.507.638.515	419.030.008.790
7. Nợ phải trả không phân bổ						
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>579.394.854.087</b>	<b>5.980.048.830</b>	<b>585.374.902.917</b>	<b>416.522.370.275</b>	<b>2.507.638.515</b>	<b>419.030.008.790</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

### 9.4 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh được lấy theo số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh Phía Bắc.

### 9.5 Thông tin về hoạt động liên tục

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

### 9.6 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.



Hoàng Anh Tuấn  
Phó Tổng Giám đốc  
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 02 năm 2019



Nguyễn Thị Thoại  
Kế toán trưởng



Trịnh Thị Bình  
Người lập biểu